

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 142 /CV-UBND

Nam Tân, ngày 03 tháng 4 năm 2023

V/v công bố công khai số
liệu và thuyết minh tình hình
thực hiện dự toán ngân sách
quý I năm 2023

Kính gửi:- Đảng ủy xã;
- Các hội, đoàn thể xã;
- Trưởng các thôn trên địa bàn xã.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Báo cáo số 141/BC-UBND ngày 03/4/2023 của UBND xã Nam Tân về việc công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý I năm 2023,

Ủy ban nhân dân xã Nam Tân thực hiện thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý I năm 2023 trên Cổng thông tin điện tử của xã tại địa chỉ: <http://namtan.namsach.haiduong.gov.vn>

Đề nghị Đảng ủy xã; các hội, đoàn thể xã; trưởng các thôn trên địa bàn xã tra cứu số liệu tại Cổng thông tin điện tử của xã nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



CHỦ TỊCH
Hoàng Văn Toàn

Số: **140**/QĐ-UBND

Nam Tân, ngày 03 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã
Quý I năm 2023 của xã Nam Tân**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

Theo đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Quý I năm 2023 của xã Nam Tân (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

- Thời hạn công khai theo quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016: 30 ngày

- Hình thức công khai: Niêm yết tại bộ phận một cửa UBND xã Nam Tân, đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã Nam Tân tại địa chỉ: <http://namtan.namsach.haiduong.gov.vn>

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- HDND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Trưởng các thôn trong xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Toàn

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023**

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I-2023	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	15.738.717.338	7.013.014.138	44,56
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	210.000.000	10.098.000	4,81
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	5.481.400.000	180.498.800	3,29
3	Thu bổ sung	6.844.900.000	3.620.000.000	52,89
	- <i>Bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>4.244.900.000</i>	<i>1.020.000.000</i>	<i>24,03</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>2.600.000.000</i>	<i>2.600.000.000</i>	<i>100</i>
4	Thu chuyển nguồn	3.202.417.338	3.202.417.338	100
II	TỔNG SỐ CHI	15.738.717.338	4.258.432.080	27,06
1	Chi đầu tư phát triển	10.320.674.980	3.358.007.580	32,54
2	Chi thường xuyên	4.590.900.000	900.424.500	19,61
3	Dự phòng	827.142.358		



ĐƯỢC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ I/2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu ngân sách xã	45.493.317.338	15.738.717.338	7.180.907.888	7.013.014.138	15,78	44,56
A	Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	45.493.317.338	15.738.717.338	7.180.907.888	7.013.014.138	15,78	44,56
1	Các khoản thu 100%	3.412.417.338	3.412.417.338	3.212.515.338	3.212.515.338	94,14	94,14
1	Phí, lệ phí	10.000.000	10.000.000	1.948.000	1.948.000	19,48	19,48
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	170.000.000	170.000.000				
2.1	Thu HLCS từ quỹ đất công ích và đất công	170.000.000	170.000.000				
2.2	Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo chế độ quy định						
2.3	Thu khác HLCS						
3	Thu khác	3.232.417.338	3.232.417.338	3.210.567.338	3.210.567.338	99,32	99,32
3.1	Thu chuyển nguồn	3.202.417.338	3.202.417.338	3.202.417.338	3.202.417.338	100	100
3.2	Thu khác	30.000.000	30.000.000	8.150.000	8.150.000	27,17	27,17
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	35.236.000.000	5.481.400.000	348.392.550	180.498.800	0,99	3,29
	Các khoản thu phân chia (1)	213.000.000	213.000.000	11.595.050	9.595.050	5,44	4,5
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000.000	10.000.000				
2	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	3.000.000	3.000.000	5.900.000	3.900.000	196,67	130
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	200.000.000	200.000.000	5.695.050	5.695.050	2,85	2,85
	Các khoản thu phân chia theo quy định của tỉnh(2)	35.023.000.000	5.268.400.000	336.797.500	170.903.750	0,96	3,24
1	Thu tiền sử dụng đất	35.000.000.000	5.250.000.000	328.447.500	164.223.750	0,94	3,13
2	Thuế giá trị gia tăng	16.000.000	12.800.000	5.733.000	4.586.400	35,83	35,83
2	Thuế thu nhập cá nhân	7.000.000	5.600.000	2.617.000	2.093.600	37,39	37,39
3	Các khoản thuế điều tiết khác						
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.844.900.000	6.844.900.000	3.620.000.000	3.620.000.000	52,89	52,89
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	4.244.900.000	4.244.900.000	1.020.000.000	1.020.000.000	24,03	24,03
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	100	100
IV	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
B	Thu ngân sách xã chưa qua KB						

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	15.738.717.338	10.320.674.980	5.418.042.358	4.258.432.080	3.358.007.580	900.424.500	27,06	32,54	16,62
	Trong đó:									
A	Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	15.738.717.338	10.320.674.980	5.418.042.358	4.258.432.080	3.358.007.580	900.424.500	27,06	32,54	16,62
1	Chi đầu tư phát triển (1)	10.320.674.980	10.320.674.980		3.358.007.580	3.358.007.580		32,54	32,54	
1	Chi đầu tư XD CB	10.320.674.980	10.320.674.980		3.358.007.580	3.358.007.580		32,54	32,54	
11	Trường học	5.408.034.580	5.408.034.580		2.758.007.580	2.758.007.580		51	51	
12	Trạm y tế									
13	Trụ sở, hội trường UBND xã									
14	Giao thông	2.346.037.400	2.346.037.400							
15	Nhà văn hoá									
16	Nghĩa trang Liệt sỹ									
17	Công trình thủy lợi									
11	Công trình sân vận động	600.000.000	600.000.000		600.000.000	600.000.000		100	100	
19	Các công trình khác	1.966.603.000	1.966.603.000							
2	Chi đầu tư phát triển khác									
21	Mua sắm TSCĐ									
22	Chi đầu tư phát triển khác									
11	Chi thường xuyên	4.590.900.000		4.590.900.000	900.424.500		900.424.500	19,61		19,61
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	637.057.000		637.057.000	130.350.550		130.350.550	20,46		20,46
11	Chi dân quân tự vệ	422.071.000		422.071.000	78.781.950		78.781.950	18,67		18,67
12	Chi an ninh trật tự	214.986.000		214.986.000	51.568.600		51.568.600	23,99		23,99
2	Chi sự nghiệp giáo dục	12.500.000		12.500.000	300.000		300.000	2,4		2,4
3	Chi sự nghiệp y tế	12.500.000		12.500.000						
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin	20.300.000		20.300.000	5.250.000		5.250.000	25,86		25,86
5	Sự nghiệp truyền thanh	54.666.000		54.666.000	9.118.600		9.118.600	16,68		16,68
6	Sự nghiệp thể dục thể thao	20.300.000		20.300.000	600.000		600.000	2,96		2,96
7	Sự nghiệp kinh tế	54.800.000		54.800.000						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN				ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)				SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX		TỔNG SỐ	XDCB	TX		TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3		4	5	6		7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
71	SN giao thông	32.500.000		32.500.000								
72	SN nông nghiệp - lâm nghiệp	22.300.000		22.300.000								
73	SN thị chính											
74	SN Thương mại, dịch vụ											
75	SN kinh tế khác											
8	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	284.853.000		284.853.000		56.713.200		56.713.200		19,91		19,91
81	Hưu xã, thôi việc và trợ cấp khác	226.853.000		226.853.000		56.713.200		56.713.200		25		25
82	Giá cơ đơn, trẻ mồ côi, cứu tế											
83	Chi Khác	58.000.000		58.000.000								
9	Chi sự nghiệp môi trường	20.300.000		20.300.000								
10	Chi xây dựng đời sống KDC, GDVH											
11	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	3.473.624.000		3.473.624.000		698.092.150		698.092.150		20,1		20,1
	Trong đó: Quỹ lương	1.564.332.000		1.564.332.000		339.793.650		339.793.650		21,72		21,72
111	Quan lý nhà nước	2.039.336.000		2.039.336.000		439.572.350		439.572.350		21,55		21,55
11.1a	UBND	1.725.294.000		1.725.294.000		377.657.450		377.657.450		21,89		21,89
11.1b	HDND	314.042.000		314.042.000		61.914.900		61.914.900		19,72		19,72
112	Đang	680.717.000		680.717.000		126.066.950		126.066.950		18,52		18,52
113	Đoàn thể, hội quần chúng	753.571.000		753.571.000		132.452.850		132.452.850		17,58		17,58
114	Mặt trận tổ quốc	227.116.000		227.116.000		37.975.500		37.975.500		16,72		16,72
115	Đoàn Thanh niên CSHCM	112.244.000		112.244.000		21.407.350		21.407.350		19,07		19,07
1116	Hội phụ nữ	119.434.000		119.434.000		22.006.050		22.006.050		18,43		18,43
1117	Hội cựu chiến binh	93.813.000		93.813.000		16.102.050		16.102.050		17,16		17,16
1118	Hội nông dân	144.137.000		144.137.000		22.005.750		22.005.750		15,27		15,27
1119	Hội chữ thập đỏ	10.811.000		10.811.000		1.452.750		1.452.750		13,44		13,44
1110	Hội Người cao tuổi	21.136.000		21.136.000		7.033.400		7.033.400		33,28		33,28
1111	Hội Khuyến học	10.152.000		10.152.000		1.788.000		1.788.000		17,61		17,61
1112	Hội cựu TNXP	14.728.000		14.728.000		2.682.000		2.682.000		18,21		18,21
1113	Hội chất độc da cam											
12	Chi khác											
13	Chi cai nghiện ma túy công đồng											
13a	Chi chuyển nguồn sang năm sau											
III	Dự phòng	827.142.358		827.142.358								

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
14	Tăng thu 2023 để CCTL									
15	TK 10% tiền đất 2023									
16	TK Chi thường xuyên 2023	65.400.000		65.400.000						
17	70% kết dư năm 2020 để CCTL	4.718.000		4.718.000						
18	Tk 10% chi thường xuyên năm 2021	23.000.000		23.000.000						
19	Tăng thu năm 2021 để lại CCTL	188.079.200		188.079.200						
20	10% Tiết kiệm chi thường xuyên năm 2020	23.000.000		23.000.000						
21	Dự phòng	30.000.000		30.000.000						
22	Tiết kiệm 10% tiền đất năm 2022 và tiền đất chưa phân bổ 2022									
23	Tiết kiệm chi thường xuyên năm 2022	65.400.000		65.400.000						
24	Tăng thu 2022 để thực hiện CCTL	211.204.143		211.204.143						
25	Tăng thu 2019 để lại để CCTL	216.341.015		216.341.015						
B	Chi ngân sách xã chưa qua Kho bạc									
1	Tam ứng XDCB									
2	Tam chi									

ĐƠN T HẢI DƯƠNG

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM TÂN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 141 /BC-UBND

Nam Tân, ngày 03 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NS QUÝ I NĂM 2023**

I THU NGÂN SÁCH:

Tổng thu ngân sách xã Quý I năm 2023 đạt 7.013,01 triệu đồng, đạt 44,56% dự toán năm, bằng 121,27 % so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

- Thu ngân sách xã hưởng 100% từ chuyển nguồn : 3.210,56 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán
- Thu từ các khoản phân chi theo tỷ lệ phần trăm (%): 180,5 triệu đồng, đạt 3,29% so với dự toán năm
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 3.620 triệu đồng, đạt 52,89% so với dự toán năm.

II CHI NGÂN SÁCH

Tổng chi ngân sách xã quý I năm 2023: 4.258,43 triệu đồng, đạt 27,06% dự toán năm, bằng 584,08% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

Chi thường xuyên chủ yếu thực hiện chi các khoản lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương đảm bảo theo dự toán đề ra, không để nợ đọng lương, Bảo hiểm, kinh phí công đoàn và một số hoạt động chi thường xuyên khác.

Chi đầu tư xây dựng cơ bản: thanh toán khối lượng hoàn thành các công trình xây dựng và giải ngân kinh phí hỗ trợ từ cấp trên cho khối lượng hoàn thành các công trình xây dựng. Tổng giá trị giải ngân trong Quý I là: 3.358,007 triệu đồng đạt tỷ lệ 34, 28 % dự toán năm được giao.

Nhìn chung, Quý I năm 2023, UBND xã đã thực hiện điều hành ngân sách phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, các hoạt động của các ngành, đoàn

thể được đảm bảo. UBND xã đã đảm bảo cân đối nguồn ngân sách để ưu tiên chi các chế độ an sinh xã hội, đáp ứng đầy đủ được các khoản chi thường xuyên đảm bảo cho hoạt động của địa phương như chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ. Đồng thời giải ngân nguồn vốn cho khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành nghiệm thu tránh phát sinh nợ đọng theo kế hoạch vốn đã được phân bổ.

Trên đây là khái quát tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Quý I năm 2023, UBND xã trân trọng báo cáo.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Toàn